

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**  
**(Năm 2015)**

**I. Thông tin chung:**

*1. Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600259916, cấp lần 1 ngày 30/12/2005, cấp lại lần thứ 7 ngày 22/11/2011 tại Sở Kế hoạch – Đầu tư Đồng Nai;
- Vốn điều lệ: 24.810.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: số 200, đường Nguyễn Ái Quốc, P. Trảng Dài, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
- Số điện thoại: 061. 3899860; 3999039
- Số fax: 061.3899750
- Website: ctgtdongnai.com.vn
- Mã cổ phiếu: DGT

*2. Quá trình hình thành và phát triển*

- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai, trụ sở đặt tại số 200, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Tiền thân là Công ty Công trình Giao thông Vận tải Đồng Nai, được thành lập ngày 18 tháng 01 năm 1977. Theo thời gian Công ty đã có những bước đi vững chắc trong ngành nghề kinh doanh cốt lõi và hiện nay vẫn luôn phát triển theo đúng định hướng.

Từ ngày mới thành lập, lực lượng lao động có tay nghề kỹ thuật còn thấp; cơ sở vật chất còn ít ỏi, thiếu thốn. Đến nay, Công ty có 4 Phòng chức năng, 09 đơn vị trực thuộc, 01 Xí nghiệp khai thác đá, 01 Xí nghiệp khai thác cát, 01 Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng Đắc Nông và 01 Ban quản lý dự án đầu tư Khu công nghiệp Thạnh Phú với 115 CB.CNV.

Hiện nay, Công ty đã đầu tư đổi mới thiết bị phương tiện như: Trạm trộn Bê tông nhựa nóng công nghệ hiện đại, dây chuyền thảm bê tông nhựa nóng, tổ hợp nghiền sàng đá, mua mới hàng chục phương tiện thi công như xe ban, xe xúc, xe lu và một đội xe vận tải nặng có sức chở từ 10-15 tấn để đáp ứng phương tiện thi công công trình lớn. Công ty đã áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc thi công nền hạ, mặt đường, đường bê tông nhựa nóng, các loại cầu bê tông cốt thép và hiện nay đã đủ khả năng đảm nhận thi công công trình lớn, kỹ thuật cao, khẳng định vị thế của Công ty trong nền kinh tế thị trường.

Công ty thực hiện việc sắp xếp bộ máy gọn nhẹ, coi trọng bồi dưỡng đào tạo đội ngũ nhất là cán bộ khoa học kỹ thuật và không ngừng chăm lo cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, công nhân. Ngoài ra Công ty còn chú trọng công tác xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo, ủng hộ các quỹ xã hội với hàng trăm triệu đồng; nhận chăm sóc suốt đời 2 bà Mẹ liệt sỹ... tặng nhà tình thương, tình nghĩa...

Với những thành tích đó, Công ty đã được Nhà nước tặng thưởng huân chương lao động hạng nhất, hạng nhì, hạng ba, bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và nhiều cờ thi đua xuất sắc của Bộ GTVT, UBND tỉnh Đồng Nai.

Từ năm 2005 đến nay Công ty chuyển sang Công ty cổ phần hóa, Cán bộ - Công nhân viên Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai nêu cao quyết tâm, ý chí một lòng phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ, tổ chức kinh doanh có hiệu quả theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên được thông qua tại Đại hội hàng năm.

- Các sự kiện khác.

### 3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

#### 3.1. *Ngành nghề kinh doanh:*

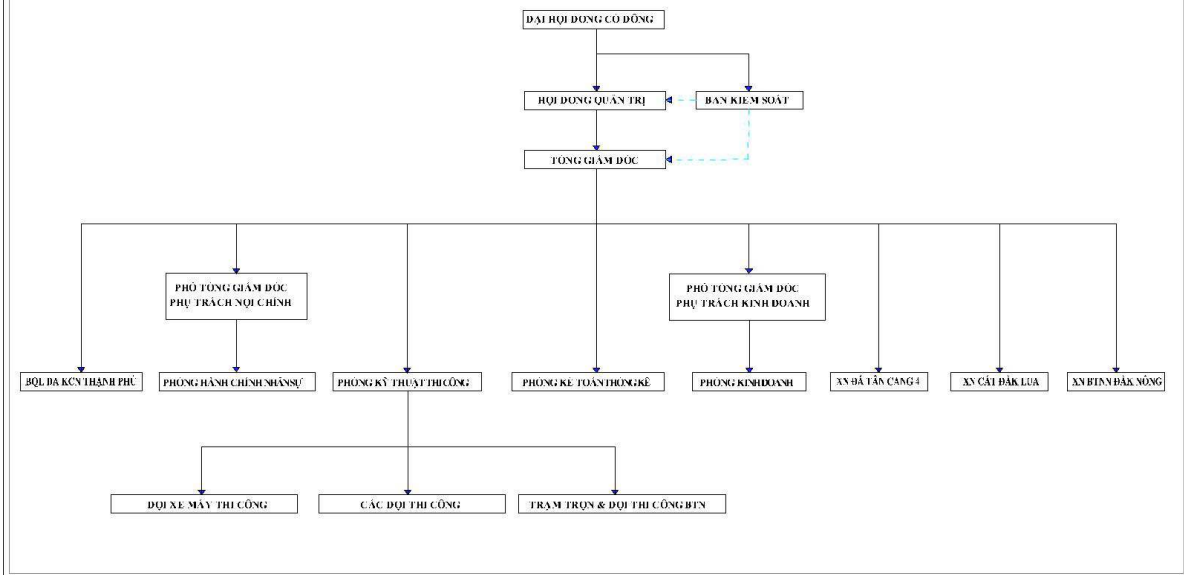
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Nạo vét kênh, rạch;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Sản xuất, kinh doanh Bê tông nhựa nóng và các cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng công trình;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Khai thác vật liệu xây dựng;
- Buôn bán vật liệu xây dựng;

3.2. *Địa bàn kinh doanh:* tỉnh Đồng Nai, tỉnh Đắk Nông và một số công trình tại các tỉnh miền Tây Nam bộ.

### 4. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

- Mô hình quản trị.
- Cơ cấu bộ máy quản lý.

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

### 5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.
  - + Nâng cao năng lực công ty bằng việc đầu tư máy móc thiết bị thi công cơ giới;
  - + Đảm bảo mức tăng doanh thu xây lắp hàng năm từ 10-15%.
  - + Đảm bảo mức lợi nhuận hàng năm của Công ty từ 10% trở lên và mức chia cổ tức hàng năm từ 7-10%.
  - + Nhanh chóng hoàn thành các thủ tục pháp lý và công tác đầu tư Xây dựng cơ bản các dự án đang triển khai để tạo ra sản phẩm mang về doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.
  - + Triển khai đầu tư xây dựng các dự án mới để nhanh chóng đi vào hoạt động tạo doanh thu cho Công ty.
  - + Tăng trưởng doanh thu của các dự án chiếm 30% trên tổng doanh thu của toàn Công ty trong 3 năm tới.
  - + Giảm 10% tỷ lệ vốn lưu động vay/ doanh thu trong thi công xây dựng cơ bản.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.  
Chiến lược trung hạn:
  - + Đẩy mạnh đầu tư xe máy thiết bị thi công cơ giới để nâng cao năng lực công ty.
  - + Mở rộng thị trường thi công xây dựng sang các tỉnh miền Tây Nam Bộ, Tây nguyên và miền Trung.

- + Mở rộng sang lĩnh vực thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.
- + Tiến hành sát nhập một số công ty trong nhóm Xây dựng và Vật liệu xây dựng trong năm 2015 để thành lập Tổng Công ty Xây dựng và Vật liệu xây dựng;
- + Nhanh chóng thi công hoàn tất các Công trình đang thực hiện dở dang;
- + Đẩy mạnh tìm kiếm các công trình mới để đảm bảo sản lượng và doanh thu cho những năm tiếp theo;
- + Đưa các Đội thi công của Công ty tiến lên thành lập những Xí nghiệp thi công trực thuộc công ty;
- + Nhanh chóng hoàn thành các thủ tục pháp lý và công tác đầu tư Xây dựng cơ bản các dự án đang triển khai để tạo ra sản phẩm mang về doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, cụ thể các dự án như sau: Mỏ đá Tân Cang 4, Xí nghiệp Cát Đắc Lua, Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng Đắc Nông;
- + Chấn chỉnh công tác quản lý, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, công tác quản trị nhân sự, quản trị văn phòng.
  - Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.
    - + Thực hiện các dự án cũng như thi công xây dựng các công trình đảm bảo vấn đề vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ.
    - + Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Nhà nước về vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ.
    - + Thi công các công trình đảm bảo chất lượng góp phần vào sự phát triển cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật tại các địa phương Công ty triển khai xây dựng.
    - + Tích cực tham gia đóng góp cho các chương trình từ thiện xã hội tại các địa phương, địa bàn Công ty triển khai xây dựng và thực hiện dự án.
    - + Góp phần giải quyết vấn đề việc làm cho nhân dân tại các địa bàn Công ty triển khai xây dựng và thực hiện dự án.
    - + Đảm bảo tốt chế độ làm việc, lương thưởng và các chế độ chính sách cho người lao động.
    - + Chia sẻ với cộng đồng và người nghèo bằng cách tham gia: các chương trình xã hội do địa phương, Tổng công ty phát động; hằng năm xây dựng nhà tình thương cho người nghèo.
    - + Khuyến khích nhân viên tham gia hiến máu nhân đạo hằng năm và làm công tác từ thiện, giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn.

## 6. Các rủi ro:

- + Các khoản vay đầu tư trong tình hình biến động giá và lãi suất cho vay tăng cao so với giá trị dự toán đầu tư ban đầu của các dự án làm khó khăn cho việc vay và trả nợ các khoản vay.
- + Công tác giải phóng mặt bằng vướng mắc, kéo dài gây ứ đọng vốn vay chi trả đền bù; Diện tích đất đã thực hiện bồi thường da beo không thể thực hiện công tác đầu tư XD/CB hạ tầng và chưa đủ điều kiện giao đất sạch cho nhà đầu tư, dẫn đến dự án không có doanh thu để hoàn trả lãi và vốn vay đến hạn.



+ Các khoản nợ khó đòi từ việc thi công xây dựng các công trình vốn ngân sách nhà nước;

+ Việc mở rộng địa bàn thi công xây dựng sang các tỉnh mới gặp nhiều khó khăn, rủi ro về nguồn cung cấp nguyên vật liệu, máy móc thiết bị thi công xây dựng, nhân công, các quy định về đầu tư xây dựng cơ bản tại địa phương, sự cạnh tranh gay gắt với các đơn vị trong khu vực.

+ Việc thanh toán và giải ngân vốn của các công trình chậm ảnh hưởng đến khả năng tài chính và xoay vòng vốn sản xuất của Công ty.

+ Trong tình hình suy giảm của nền kinh tế, đầu tư công cắt giảm gây khó khăn cho việc ký kết các hợp đồng có giá trị cao và sẽ có ảnh hưởng đầu ra tiêu thụ các sản phẩm của xí nghiệp đá, cát.

+ Lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng làm tăng giá thành và giảm lợi nhuận và tích lũy vốn đầu tư của Công ty.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### *1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

+ Những thay đổi và biến động về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm:

Trong năm 2014, trước những khó khăn và biến động của thị trường, Công ty phải đưa ra những thay đổi về chiến lược để đảm bảo doanh thu, lợi nhuận cũng như kế hoạch sản lượng cho những năm tiếp theo. Cụ thể, Công ty phải mở rộng tìm kiếm công trình tại các khu vực lân cận và các tỉnh mới thành lập như Đắk Nông, các tỉnh miền Tây Nam bộ, Tây nguyên,... đồng thời đẩy nhanh tiến độ thi công hoàn thành các công trình thi công dở dang để thu hồi vốn. Ngoài ra, Công ty rất cần sự giúp đỡ của Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp (Sonadezi) cũng như các cơ quan Ban ngành trong tỉnh Đồng Nai để giải quyết những khoản nợ của Ngân sách nhà nước tại Ban quản lý dự án các huyện trong tỉnh. Song song đó, Công ty cũng tiết giảm và hạn chế những chi phí quản lý, chi phí hoạt động để giảm bớt gánh nặng chi phí. Bên cạnh đó, Công ty cũng đẩy nhanh tiến độ thực hiện hoàn thành các dự án để nhanh chóng đi vào khai thác tạo doanh thu tránh để tình trạng dự án kéo dài dẫn đến lãi vay ngân hàng cao ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của dự án.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đvt: triệu

đồng

ST T	Một số chỉ tiêu chủ yếu	Thực hiện năm 2013	Kế hoạch 2014	Thực hiện năm 2014	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch năm 2014 (%)	Tỷ lệ thực hiện năm 2014/năm 2013 (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
1	Doanh thu	159.466	205.000	137.528	67,08%	86,24%
2	LN trước thuế	1.181	4.200	1.901	45,26	160,9%
3	Nộp ngân sách	4.466		3.077		
4	Đầu tư XDCB	13.532		7.243		

Trong tình hình khó khăn của nền kinh tế, không thuận lợi cho việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ trong khi lạm phát tăng cao làm nguồn vốn cho kế hoạch sản xuất và đầu tư tăng lên một cách đáng kể. Hiện nay nguồn vốn của Công ty thường không đáp ứng được yêu cầu sản xuất, nên áp lực về vốn lưu động cho sản xuất rất lớn.

Ngoài ra, trong năm giá nhiên liệu, nhựa đường vẫn tiếp tục tăng cao, cũng như lãi suất vay giảm không đáng kể làm tăng giá thành công trình, ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh. Những khó khăn trên ảnh hưởng cả về Xây dựng cơ bản cũng như thực hiện các Dự án. Mặt khác do nguồn vốn ngân sách nhà nước nợ chưa thanh toán cho Công ty khá lớn nên đã ảnh hưởng đến việc xoay vốn và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, trong năm 2014, Công ty cũng đã cố gắng, nỗ lực hết sức nhưng không hoàn thành được chỉ tiêu doanh thu kế hoạch, tuy nhiên điểm sáng là Công ty cũng đã đạt được chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch .

## 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

+ Bì Long Sơn – Tổng giám đốc

+ Tăng Xuân Hưng – P.TGD

+ Đặng Thành Long – P.TGD

+ Đoàn Quang Nho – P.TGD

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có.

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

Số lượng CB.CNV tính đến ngày 31/12/2014 là 115 người (nữ 16 người).

Trong đó:

- + Trình độ Thạc sỹ: 05 người.
- + Trình độ Đại học: 42 người.
- + Trình độ Cao đẳng: 02 người.
- + Trình độ Trung cấp: 10 người.
- + Trình độ Sơ cấp: 04 người.
- + CNKT: 52 người.

### 3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*

a) Các khoản đầu tư lớn: Các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn.

#### **DỰ ÁN MỎ ĐÁ TÂN CANG 4 (25,674 hécta):**

Đầu tư cho công tác đền bù và xây dựng cơ bản Mỏ đá Tân Cang 4 với giá trị khoảng khoảng 60 tỷ đồng. Trong năm 2014, Mỏ đá Tân Cang 4 đã đền bù được khoảng 23 ha và đang tiếp tục thực hiện công tác đền bù. Song song đó, Công ty cũng đang ký kết hợp đồng với các đối tác để khai thác bóc đất tầng phủ, hàng năm thu được khoảng 03 tỷ đồng từ việc bán đất tầng phủ.

#### **DỰ ÁN KCN THẠNH PHÚ (177 hécta):**

Đầu tư cho công tác đền bù giải phóng mặt bằng và thi công xây dựng hạ tầng KCN Thạnh Phú với giá trị khoảng 141 tỷ đồng. Hiện nay, KCN Thạnh Phú đã đền bù được 46 ha; thi công hoàn thành và đưa vào sử dụng Nhà máy xử lý nước thải giai đoạn 1. Hiện nay đang tiếp tục triển khai thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật. Trong năm 2014, KCN Thạnh Phú đã ký hợp đồng cho thuê được 4,8 ha đất công nghiệp.

#### **DỰ ÁN MỎ CÁT ĐẮK LUA (20 Km đường sông):**

Đầu tư xây dựng cơ bản cho Mỏ cát Đắc Lua với giá trị 3.082 tỷ đồng. Hiện nay Mỏ cát Đắc Lua đã đi vào kinh doanh khai thác và thành lập được 02 Cửa hàng bán cát tại Bình Phước và Lâm Đồng. Năm 2014 thu về cho Công ty 2.700 triệu đồng doanh thu bán cát.

#### **DỰ ÁN TRẠM TRỘN BÊ TÔNG NHỰA NÓNG ĐẮK NÔNG:**

Đầu tư xây dựng và lắp đặt mới Trạm trộn BTNN tại tỉnh Đắc Nông với tổng giá trị khoảng 18 tỷ đồng. Hiện nay, Trạm BTNN đang cung cấp BTNN cho hầu hết các gói thầu của Quốc lộ 14. Năm 2014, doanh thu từ việc bán BTNN của Trạm 17.777 triệu đồng.

#### **ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH:**

Kết quả đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sonadezi Dịch vụ trong năm 2014 với cổ tức được chia là 150.000.000 đồng (15 %). Tuy nhiên, phải đợi đến cuối tháng 04/2015 Công ty Sonadezi Dịch vụ mới chi trả cổ tức.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

### 4. *Tình hình tài chính*

a) Tình hình tài chính

Dvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	340.137	368.801	8,4
Doanh thu thuần	155.294	133.263	-14,2
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	684	474	-30,7
Lợi nhuận khác	497	1.427	187,1
Lợi nhuận trước thuế	1.181	1.901	60,9
Lợi nhuận sau thuế	865	1.552	79,4
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	5		

– Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

*b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,982	2,233	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
TSLĐ - Hàng tồn kho	1,646	1,827	
Nợ ngắn hạn			
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,856	0,871	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	5,968	6,736	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán	3,483	0,587	

Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,457	0,361	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,006	0,012	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,018	0,033	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,003	0,0042	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,004	0,004	

*5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*

- a) Cổ phần: Tổng số cổ phần 2.481.000 CP đang lưu hành.
- Số lượng CP chuyển nhượng tự do: 900.000 CP;
  - Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng: 1.581.000 CP.
  - Chứng khoán giao dịch ở nước ngoài: Không có.
- b) Cơ cấu cổ đông:
- 01 Cổ đông lớn sở hữu: 1.581.000 CP, chiếm 63,7%;
  - 161 Cổ đông nhỏ sở hữu: 900.000 CP, chiếm 36,3 %.
  - Cổ đông trong nước: 162 cổ đông sở hữu 2.481.000 CP, chiếm 100%;
  - Cổ đông nước ngoài: Không có;
  - Cổ đông Nhà nước: 01 cổ đông, sở hữu 1.581.000 CP, chiếm tỷ lệ 63,7%
- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.
- e) Các chứng khoán khác: Không có.

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

*1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

Năm qua, trong bối cảnh kinh tế nước ta vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn như: lãi suất vay thương mại mặc dù đã giảm nhưng vẫn ở mức cao, lãi suất trung bình Công ty phải vay các tổ chức tín dụng là 10%/ năm và Chính phủ vẫn thực hiện giải pháp thắt chặt tiền tệ và cắt giảm đầu tư công theo tinh thần Nghị quyết số 11, trong đó được thực hiện trên nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội. Hệ quả là việc tìm kiếm việc làm rất khó khăn, nhất là các công trình trong tỉnh Đồng Nai.

Tuy điều kiện kinh doanh trong năm qua không thuận lợi, vẫn còn nhiều khó khăn nhưng tập thể HĐQT Công ty đã kịp thời đưa ra những quyết định phù hợp, cùng với Ban Tổng giám đốc và CB-NV Công ty nỗ lực vượt qua khó khăn để thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2014 và đã đạt được một số kết quả như sau:

1./ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014.

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Nội dung	Th/hiện 2013	K/hoạch h 2014	Th/hiện 2014	(%) thực hiện/kế hoạch
1	Tổng tài sản	340.137		368.801	
2	Tổng Doanh thu và thu nhập khác	160.116	205.000	139.584	68%
	+ <i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	155.294		133.263	
	+ <i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	4.173		4.265	
	+ <i>Thu nhập khác</i>	649		2.056	
3	Tổng chi phí	158.934		137.683	
	+ <i>Chi phí tài chính</i>	4.775		6.282	
	+ <i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	8.033		10.896	
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	1.182	4.200	1.901	45,26%
5	Thuế TNDN	316		349	
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	866		1.552	
7	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư của chủ sở hữu	3,49%		6,25%	
8	Lãi cơ bản trên cổ phần	347		426	

Trong năm 2014 Công ty không hoàn thành kế hoạch doanh thu do Đại hội đồng cổ đông giao do các nguyên nhân:

- Không thực hiện được kế hoạch phát hành cổ phiếu nên thiếu vốn thi công.
- Dự án BOT QL14 chủ đầu tư thay đổi tư vấn giám sát nên Công ty gặp khó khăn trong công tác triển khai thi công, không đẩy nhanh được tiến độ theo kế hoạch.
- Một số hợp đồng mới ký vào cuối năm 2014 đến 31/12/2014 chưa có sản lượng.
- Dự án Mỏ đá Tân Cang 4 còn vướng mắc trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng cho nên chưa có sản phẩm đá bán ra thị trường.

2./ Chi tiết tình hình một số lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

2.1/ Hoạt động thi công xây lắp:

Doanh thu xây lắp năm 2014 là 106.286 triệu đồng giảm 31 % so với năm 2013.

2.2/ Thực hiện đầu tư các dự án trọng điểm.

Đại hội đồng cổ đông năm 2014 tiếp tục giao Hội đồng quản trị xem xét đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án của Công ty và đến nay kết quả đạt được như sau:

**a./ Dự án Khu Công nghiệp Thạnh Phú:**

Công tác thu hồi đất: Dự án hiện đang thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng và triển khai công tác xây dựng một số hạng mục hạ tầng. Tuy nhiên tiến độ chậm do

còn nhiều hộ dân chưa chịu nhận tiền bồi thường. Tính đến ngày 31/12/2014 đã thu hồi được 46 ha/114 ha đất phải thu hồi;

– Công tác Xây dựng cơ bản và thu hồi đất:

+ Thiết kế, hoàn tất lựa chọn nhà thầu thi công Nhà xưởng cho thuê Số 1; hoàn tất tuyến ống cấp nước tạm (đầu tuyến tại công ty T.I.C); Hoàn tất thiết kế đường số 4 (đoạn 1a, từ đường ĐT 768 đến ranh công ty Chang Shin) và hoàn tất thiết kế Tuyến đầu nổi thoát nước tạm (rạch Vũng Vọng);

+ Hoàn tất thiết kế và thẩm định phê duyệt thiết kế đường số 4 - đoạn 1a; cấp điện 22 KV toàn KCN; Tuyến điện chiếu sáng đường 1,6,7.

+ Hoàn thiện các hạng mục dở dang công trình xây dựng nhà máy xử lý nước thải;

+ Hoàn tất thi công tuyến đường số 1- giai đoạn 1 và 1 phần đường số 6 để kêu gọi đầu tư.

+ Hoàn thiện công trình xây dựng tuyến ống cấp nước dọc đường số 1 và đầu nổi cấp nguồn;

+ Hoàn tất thi công đường công vụ đường số 4 (vào lô D1) và gia cố nền đường số 1 đoạn trước cổng công ty TIC;

+ Triển khai hợp đồng dò mìn đợt III- diện tích 7,4 ha;

+ Tổng kinh phí thực hiện XDCB trong 9 tháng đầu năm là 14,76 tỷ đồng;

+ Công tác thu hồi đất trong năm 2014 đã chi trả khoảng 50 tỷ đồng để thu hồi được khoảng 15 ha đất;

+ Đã hoàn tất hồ sơ xin thuê diện tích 37,5 ha đất hoàn tất bồi thường tới ngày 30/6/2014.

#### **b./ Dự án mỏ đá Tân Cang:**

– Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng trong năm:

+ Tổng diện tích có quyết định chi tiết phê duyệt bồi thường 23,6 ha;

+ Tổng kinh phí Công ty đã chuyển cho TTPTQĐ Biên Hòa chi trả: 42.757.767.000 đồng;

+ Tổng diện tích đã nhận bàn giao là 13,7 ha;

+ Tổng diện tích đang khai thác bóc tầng phủ là 9,7 ha;

+ Diện tích đã có Quyết định cho thuê đất 7,5 ha;

– Thực hiện hợp tác đầu tư:

+ Ngày 26/02/2014 đã ký biên bản làm việc với đối tác DNTN Mỹ Duyên thực hiện hợp tác kinh doanh 05 ha;

+ Lập các phương án hợp tác đầu tư khai thác mỏ trình Hội đồng quản trị thông qua và đã đăng báo tìm kiếm nhà đầu tư cùng hợp tác kinh doanh.

– Công tác sản xuất:

+ Khối lượng bóc tầng phủ trong năm 2014 là 100.000 m<sup>3</sup>.

– Công tác Đầu tư XDCB và thủ tục pháp lý:

+ Hoàn tất việc mua đất của các hộ dân ngoài mỏ để triển khai thi công cầu, đường vào mỏ;

+ Đã ký kết hợp đồng Đơn vị tư vấn triển khai thực hiện đề án xả thải nước sản xuất.

**c./ Dự án mỏ cát Đăklua:**

- Công tác sản xuất kinh doanh năm 2014:
- + Sản lượng khai thác được 30.000 m3;
- + Doanh thu cả năm đạt 2.700 triệu đồng;
- + Đẩy mạnh công tác tiếp thị tìm kiếm đối tác kinh doanh cát cho 02 cửa hàng.

**d./ Dự án khu nhà ở 12 ha phường Bửu Long:**

- Đã thực hiện xong các thủ tục thanh lý với bên liên doanh là Quỹ đầu tư Phát triển Đồng Nai

**e./ Dự án bến thủy nội địa KCN Biên Hòa I (Trạm bê tông nhựa DT 15.229,4 m2):**

- Thực hiện thẩm định giá trạm trộn BTNN Khu CN Biên Hòa 1.
- Lập hồ sơ, tổ chức bán đấu giá trạm trộn BTNN. Bán đấu giá không thành do không có người tham gia đấu giá.
- Tiếp tục tiếp thị tìm kiếm khách hàng mua Trạm trộn BTNN.
- Tiếp thị tìm kiếm đối tác hợp tác kinh doanh khu đất trạm trộn BTNN.
- Duy trì hoạt động thường xuyên của bến.

**f/ Dự án xây dựng trạm bê tông nhựa nóng – tỉnh Đăk Nông:**

Hoàn tất thủ tục pháp lý và quyết toán dự án trạm BTNN Đăk Nông.

Sản lượng sản xuất cả năm 2014 đạt 36.000 tấn (trong đó bán ngoài khoảng 4.000 tấn, sản xuất gia công cho Tập đoàn Đức Long Gia lai 32.000 tấn), giá trị doanh thu khoảng 9,3 tỷ đồng.

**g/ Xem xét phương án khai thác các khu đất công ty đang quản lý, sử dụng:**

- Khu đất văn phòng công ty (diện tích 15.188,4 m2): Đã có Sổ đỏ và đã có đối tác hợp tác kinh doanh trên khu đất.
- Khu đất Hạt 3 xã Lang Minh; Đất Hạt 2 xã Bình Hòa, khu đất mỏ đá xã Thiện Tân 2,7 ha hiện tất cả đã có Sổ đỏ và đang tìm kiếm các đối tác hợp tác kinh doanh hoặc chuyển quyền sử dụng đất;

**2.3/ Hoạt động đầu tư tài chính:**

Kết quả đầu tư chứng khoán đến nay như sau:

ST T	Tên công ty	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ cổ tức	Số cổ tức đã nhận (triệu đồng)
1	Công ty CP Dịch vụ Sonadezi	100.000	15%	150

- Kết quả đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sonadezi Dịch vụ trong năm 2014 với cổ tức được chia là 150.000.000 (15 %). Tuy nhiên, phải đợi đến cuối tháng 04/2014 Công ty Sonadezi Dịch vụ mới chi trả cổ tức.

**2. Tình hình tài chính**

- a) Tình hình tài sản: Tình hình tài sản Công ty tại ngày 31/12/2014:



<b>ST T</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Ngày 31/12/2013</b>	<b>Ngày 31/12/2014</b>	<b>(%) So sánh 2014/2013</b>
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>284.987.745.565</b>	<b>293.311.679.317</b>	<b>2,9%</b>
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	29.433.719.730	9.011.339.762	-69%
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	10.000.000.000	6.400.000.000	-36%
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	192.958.560.186	219.908.405.860	13,9%
IV.	Hàng tồn kho	48.348.904.852	53.363.924.924	10,4%
V.	Tài sản ngắn hạn khác	4.247.966.679	4.628.008.771	8,9%
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>55.149.771.601</b>	<b>75.490.115.134</b>	<b>36,8%</b>
I.	Các khoản phải thu dài hạn	176.596.373	884.130.836	
II.	Tài sản cố định	53.540.105.603	63.348.373.083	
III.	Bất động sản đầu tư	-		
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.000.000.000	10.320.000.000	
V.	Tài sản dài hạn khác	433.069.625	937.611.215	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>340.137.517.166</b>	<b>368.801.794.451</b>	<b>8,2%</b>
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>291.319.968.433</b>	<b>321.126.598.490</b>	<b>10,3%</b>
I.	Nợ ngắn hạn	143.784.282.805	131.331.519.037	-9%
II.	Nợ dài hạn	147.535.685.628	189.795.079.453	28,5%
<b>B</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>48.817.548.733</b>	<b>47.675.195.961</b>	<b>-2,3%</b>
I.	Vốn chủ sở hữu	48.817.548.733	47.675.195.961	
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>340.137.517.166</b>	<b>368.801.794.451</b>	<b>8,2%</b>

a. Tình hình tài sản:

Tài sản ngắn hạn tăng 2,9% so với năm 2013.

+ Tiền và các khoản tương đương tiền giảm 69% do tại thời điểm cuối năm 2013 Công ty thu được tiền thi công của các công trình chưa giải ngân thi công.

+ Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn số dư 6,4 tỷ đồng. Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng của Ban QLDA KCN Thạnh phú.

+ Các khoản phải thu tăng 13,9% tương đương tăng 27 tỷ đồng do trong năm Công ty chi trả tiền đền bù dự án KCN Thạnh Phú, đền bù thu hồi đất mỏ đá Tân Cang và khoản phải thu từ các công trình.

+ Hàng tồn kho trong năm tăng 10,4% tương đương tăng 5 tỷ đồng chủ yếu là do các công trình công ty thi công chưa được chủ đầu tư nghiệm thu từng giai đoạn.

+ Tài sản dài hạn tăng 36,8% tương đương tăng 20 tỷ đồng do trong năm công ty đầu tư góp vốn vào dự án BOT Quốc lộ 91 Cần Thơ- An Giang 9,32 tỷ đồng, chi phí xây dựng cơ bản dở dang của KCN Thạnh Phú tăng 4 tỷ đồng, mỏ đá Tân Cang 4 tăng 3,2 tỷ đồng và phần còn lại do tăng các tài sản dài hạn khác.

b. Tình hình nợ phải trả:

Nợ ngắn hạn trong năm giảm 9% là do:

+ Vay ngắn hạn tăng 11,63 tỷ đồng tương đương 20,3%

+ Phải trả người bán giảm 44% tương đương giảm 28 tỷ đồng.

+ Người mua trả tiền trước tăng 14,5 tỷ đồng chủ yếu là do tiền ứng trước 20% hợp đồng thi công công trình Quốc lộ 91 Cần Thơ- An Giang.

+ Còn lại chủ yếu là các khoản tăng khác.

Nợ dài hạn trong năm tăng 28,5% tương đương tăng 42 tỷ đồng chủ yếu là do trong năm công ty tăng khoản doanh thu chưa thực hiện của Công ty TNHH Chang Shin Việt Nam là 18,8 tỷ đồng, vay dài hạn thực hiện mỏ đá Tân Cang là 22,6 tỷ đồng, vay dài hạn KCN Thạnh Phú là 0,79 tỷ đồng.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa thực hiện trích lập đủ khoản dự phòng đối với khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính, số dự phòng ước tính cần trích lập được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh sẽ làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giảm đi một khoản là 614.500.435 VND

*Ban Tổng Giám đốc ghi nhận ý kiến kiểm toán độc lập, công ty cũng nhận được sự chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai và Sở tài chính chỉ đạo các đơn vị liên quan đang nợ công ty khẩn trương thanh toán các khoản nợ tồn đọng.*

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.*

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.*

Nhìn chung, Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết Hội đồng quản trị. Kết quả cụ thể như sau:

1./ Về điều hành sản xuất kinh doanh và thực hiện các dự án:

- Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện và đạt được kết quả như đã trình bày ở trên;
- Đã thực hiện rà soát, kiểm tra những máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển hư hỏng, hết niên hạn sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả để thanh lý và đã trang bị mới, sửa chữa, nâng cấp những máy móc thiết bị đang sử dụng để nâng cao hiệu suất sử dụng;
- Xúc tiến tìm kiếm đối tác hợp tác kinh doanh mặt bằng tại văn phòng công ty nhằm khai thác hết tiềm năng hiện có, tiến hành làm đường và cầu nội bộ để vận chuyển đá từ mỏ đá Tân Càng 4...

## 2./ Về công tác tổ chức nhân sự - Bộ máy hoạt động của Công ty.

- Đã tổ chức, thường xuyên phân công công tác cho các thành viên Ban Tổng Giám đốc để phù hợp với tình hình điều hành chung của Công ty, cử một Phó Tổng giám đốc phụ trách kỹ thuật trực tiếp tham gia điều hành thi công các gói thầu công trình QL14.

- Thực hiện chương trình tái cấu trúc Công ty, về tổ chức, nhân sự và nâng cao năng lực sản xuất đã thực hiện các nội dung sau:

- + Sắp xếp lại các phòng/ ban chuyên môn cho phù hợp với điều kiện thực tế;
- + Tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống quản lý tổng thể, bao gồm việc thiết lập và xem xét điều chỉnh nội quy, các quy chế, quy định, thủ tục, biểu mẫu ...
- + Duy trì họp giao ban giữa tháng (Ban TGD và các trưởng phòng/ban); hàng tháng (Ban Tổng giám đốc, các trưởng, phó phòng/ban/đội thi công);
- Công tác phát triển nguồn nhân lực: trong năm 2014 đã cử tham dự các khóa đào tạo khóa Giám đốc điều hành: 01 người.
- Tổng số lao động của công ty đến ngày 31/12/2014 là 115 người (16 nữ); Trong đó:
  - Trình độ Thạc sỹ: 05 người.
  - Trình độ Đại học: 42 người.
  - Trình độ Cao đẳng: 02 người.
  - Trình độ Trung cấp: 10 người.
  - Trình độ Sơ cấp: 04 người.
  - CNKT: 52 người.
- Các tổ chức chính trị, đoàn thể đều được tạo điều kiện hoạt động theo quy định.

## 3./ Về công tác quản trị tài chính:

Rà soát các khoản nợ tồn đọng, các công trình chưa nghiệm thu, quyết toán phân công cụ thể từng cá nhân phụ trách thực hiện.

Lập kế hoạch cân đối các khoản thu – chi từng tháng để chủ động trong điều hành, đảm bảo vốn cho việc thực hiện các dự án và vốn lưu động cho sản xuất, kinh doanh.

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong bối cảnh chung của nền kinh tế và năng lực của công ty hiện nay, Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch hoạt động trong năm 2015 như sau:

1./ Thực hiện quản trị, giám sát chặt chẽ việc điều hành công tác thi công xây lắp, đảm bảo an toàn, chất lượng và tiết kiệm để có hiệu quả trong mỗi công trình; chú trọng chỉ đạo công tác tìm kiếm các công trình có giá trị lớn từ trên 50 tỷ đồng trở lên, công tác làm hồ sơ thanh toán và quyết toán công trình.

2./ Thực hiện quản trị, giám sát, thúc đẩy việc triển khai thực hiện các dự án trọng điểm của Công ty. Mục tiêu trong năm 2015 dự án KCN Thạnh Phú cơ bản xây dựng hạ tầng các tuyến chính và có doanh thu về hạ tầng, mỏ cát Đắc Lua hoạt động khai thác ổn định và mỏ đá Tân Cang 4 phải có sản phẩm và có doanh thu. Tìm kiếm đối tác khai thác, sử dụng có hiệu quả các khu đất công ty đang quản lý.

4./ Về các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015:

Về các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015:

Stt	CHỈ TIÊU	ĐVT	K.hoạch năm 2015 trình đại hội
1	Tổng sản lượng		220.000
2	Tổng Doanh thu	Tr.đ	200.000
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.đ	3.600
3	Tỷ lệ cổ tức trên vốn Điều lệ	%	chờ ý kiến Đại hội đồng cổ đông

### **Biện pháp thực hiện:**

Hội đồng quản trị xác định trong năm 2015 Công ty vẫn tiếp tục gặp khó khăn về việc làm mới và đặc biệt là khó khăn về vốn, bao gồm cả vốn đầu tư thực hiện các dự án và vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh.

Trong điều kiện hạn chế tối đa đầu tư công về lĩnh vực giao thông của tỉnh Đồng Nai năm 2015, Hội đồng quản trị chỉ đạo tìm kiếm thêm các khách hàng mới là các đơn vị kinh doanh hạ tầng, các doanh nghiệp khác, thận trọng tìm kiếm việc làm tại các tỉnh/thành khác, các dự án xây dựng các Quốc lộ của Chính Phủ có giá trị cao để giảm bớt sự phụ thuộc vào nguồn vốn ngân sách Nhà nước địa phương tỉnh Đồng Nai và tăng trưởng sản xuất trong kinh doanh.

Đối với các dự án đầu tư của Công ty, Hội đồng quản trị xác định việc đẩy mạnh thực hiện các dự án sẽ tạo điều kiện phát triển bền vững cho công ty, tạo thêm doanh thu và thu nhập, đáp ứng được kỳ vọng về cổ tức cho cổ đông. Hội đồng quản trị sẽ chỉ đạo ưu tiên thực hiện những dự án sớm mang lại doanh thu cho Công ty và tìm kiếm đối tác thực hiện hợp tác kinh doanh khai thác mỏ đá Tân Cang 4, góp phần làm giảm áp lực về vốn đầu tư và tiêu thụ sản phẩm đối với dự án này.

Hội đồng quản trị sẽ phân công lại nhiệm vụ từng thành viên Hội đồng quản trị. Mỗi thành viên chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc kiểm soát và thúc đẩy lĩnh vực được phân công phụ trách theo Nghị quyết của HĐQT.

**V. Quản trị công ty** (Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. *Hội đồng quản trị*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ tên	Số lượng CP	Vai trò thành viên	Ghi chú
1	Bì Long Sơn	464.550	Ban điều hành	Là Đại diện vốn D/nghiệp tại Công ty
2	Nguyễn Hữu Hạnh	421.770	Không điều hành	Là Đại diện vốn D/nghiệp tại Công ty
3	Trần Hương Quảng	322.530	Không điều hành	Là Đại diện vốn D/nghiệp tại Công ty
4	Phan Quốc Anh	100.000	Không điều hành	Sở hữu cá nhân

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban). Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2014, Hội đồng quản trị tổ chức 04 cuộc họp định kỳ như sau:

**- Họp ngày 06/3/2014:**

Nội dung:

+ Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh Quý IV năm 2013; Kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý I năm 2014.

+ Một số nội dung khác.

Kết quả: Hội đồng quản trị ra Nghị quyết và giao Ban Điều hành thực hiện các nội dung nêu trên.

**- Họp ngày 08/5/2014;**

Nội dung:

+ Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh Quý I năm 2014; Kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý II năm 2014;

+ Ủy quyền Tổng Giám đốc ký hợp đồng vay vốn với NH TMCP BIDV Đồng Nai;

+ Báo cáo và thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014.

Kết quả: Hội đồng quản trị ra Nghị quyết và giao Ban Điều hành thực hiện các nội dung nêu trên.

**- Họp ngày 24/7/2014;**

Nội dung:

+ Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh Quý II và 06 tháng đầu năm 2014; Kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý III năm 2014;

+ Tờ trình về việc tham gia góp vốn đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 91 Đoạn từ Km 14+000 – Km50+889 theo hình thức hợp đồng BOT;

+ Tờ trình về việc phương án hợp tác kinh doanh dự án Khai thác mỏ đá xây dựng Tân Cang 4, tại xã Phước Tân, TP. Biên Hòa;

+ Tờ trình về việc thu hồi phần diện tích đất nằm ngoài ranh quy hoạch mỏ đá Tân Cang 4 đối với các thửa đất đang thực hiện công tác thu hồi bồi thường của dự án;

+ Tờ trình lựa chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014.

Kết quả: Hội đồng quản trị ra Nghị quyết và giao Ban Điều hành thực hiện các nội dung nêu trên.

**- Họp ngày 12/11/2014;**

Nội dung:

+ Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh Quý III năm 2014; kế hoạch kinh doanh Quý IV năm 2014 và dự thảo xây dựng một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015;

+ Tờ trình thông qua Phương án Kinh doanh mỏ đá Tân Cang 4;

+ Tờ trình thông qua điều chỉnh mức lương đóng BHXH – BHYT – BHTN của Tổng giám đốc;

+ Báo cáo bổ nhiệm lại các Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty;

+ Tờ trình cơ cấu và sắp xếp lại các Đội thi công của Công ty;

+ Ủy quyền cho Tổng giám đốc vay vốn thực hiện dự án đầu tư KCN Thạnh Phú;

Kết quả: Hội đồng quản trị ra Nghị quyết và giao Ban Điều hành thực hiện các nội dung nêu trên.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp). Không có

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. *Ban Kiểm soát*

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).
- b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát*

- a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị 1.500.000 đồng/tháng (18.000.000 đồng/người/năm);
- Thành viên HĐQT 1.000.000 đồng/người/ tháng (12.000.000 đồng/ người/ năm).

Thù lao Ban kiểm soát:

- Trưởng ban Kiểm soát 1.000.000 đồng/ tháng (12.000.000 đồng/ người/năm);
- Thành viên Ban kiểm soát 800.000 đồng/người/tháng (9.600.000 đồng/ người/năm)

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Thành viên Ban Kiểm soát Trịnh Văn Ba đăng ký mua 23.620 CP, kết thúc giao dịch mua được 19.630 CP.

- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

## **VI. Báo cáo tài chính**

### *1. Ý kiến kiểm toán:*

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

- 2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm): Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH  
GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**





# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

---

## MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 37

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

#### KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai là doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hoá từ Công ty Công trình Giao thông Vận tải Đồng Nai theo Quyết định số 2935/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000296 ngày 30 tháng 12 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp đến Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600259916 đăng ký thay đổi lần thứ tám vào ngày 10 tháng 6 năm 2013.

- **Vốn pháp định** : 6.000.000.000 VND
- **Vốn điều lệ** : 24.810.000.000 VND

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	Số 1 Đường số 1, KCN Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	1.581.000	15.810.000.000	63,72
2	Ông Phan Quốc Anh	Số 12 E Phan Đình Phùng, Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	100.000	1.000.000.000	4,03
3	Vốn cán bộ CNV		15.000	150.000.000	0,60
4	Các cổ đông khác		785.000	7.850.000.000	31,65
	<b>Cộng</b>		<b>2.481.000</b>	<b>24.810.000.000</b>	<b>100,00</b>

#### • Trụ sở hoạt động chính

Địa chỉ : Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : (84-613) 899 860

Fax : (84-613) 899 750

Mã số thuế : 3 6 0 0 2 5 9 9 1 6

#### • Ngành, nghề kinh doanh

Khảo sát, thiết kế, lập tổng dự toán, dự toán các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; Kinh doanh nhà; Hợp đồng Xây dựng – kinh doanh – Chuyển giao (BOT); Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Kinh doanh xăng, dầu, nhớt (theo quy hoạch mạng lưới xăng dầu đã được UBND tỉnh phê duyệt); Sản xuất, kinh doanh bê tông nhựa nóng và các cấu kiện bê tông đúc sẵn; Chế biến đá; Nạo vét kênh rạch; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm quán bar, không hoạt động tại trụ sở); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Sản xuất gạch, ngói bằng lo nung tụy nện; Kinh doanh khu



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

vui chơi, giải trí; Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Vận tải hàng hoá thủy nội địa; Xây dựng công trình công ích; Bán buôn vật liệu xây dựng; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Khai thác và thu gom than bùn (hoạt động khi có giấy phép); Lắp đặt hệ thống điện; Hoạt động tư vấn quản lý; Khai thác vật liệu xây dựng; Thu gom rác thải độc hại; Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác; Thu gom rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hoá; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng công trình (không chứa hàng tại trụ sở).

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

#### Họ và tên

#### Chức vụ

#### Hội đồng quản trị

Ông Bi Long Sơn

Chủ tịch

Ông Nguyễn Hữu Hạnh

Thành viên

Ông Phan Quốc Anh

Thành viên

Ông Trần Hương Quảng

Thành viên

#### Ban kiểm soát

Bà Phạm Thị Hồng

Trưởng ban

Ông Trịnh Văn Ba

Thành viên

Bà Trương Thị Nhung

Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Bi Long Sơn

Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Quang Nho

Phó Tổng Giám đốc

Ông Đặng Thành Long

Phó Tổng Giám đốc

Ông Tăng Xuân Hưng

Phó Tổng Giám đốc

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 7 đến trang 37).

### **SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt ("Vietland") đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



**BỈ LONG SƠN**

**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 03 tháng 04 năm 2015



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15 tháng 03 năm 2015, từ trang 07 đến trang 37 kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Ban Tổng Giám đốc theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa thực hiện trích lập đủ khoản dự phòng đối với khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính, số dự phòng ước tính cần trích lập được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh sẽ làm chi tiêu chi phí quản lý tăng lên 614.500.435 VND và chi tiêu lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giảm đi một khoản tương ứng. Trên bảng cân đối kế toán chi tiêu dự phòng phải thu khó đòi tăng thêm 614.500.435 VND.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2015

**Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt**



**VĂN NAM HẢI** – Phó Giám đốc điều hành  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0832-2013-037-01

**VÕ THỊ THU HƯƠNG** - Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0455-2013-037-01

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu Vietland



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Mẫu B 01-DN**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>293.311.679.317</b>	<b>284.987.745.565</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>9.011.339.762</b>	<b>29.434.347.730</b>
1. Tiền	111		8.811.339.762	21.734.347.730
2. Các khoản tương đương tiền	112		200.000.000	7.700.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>6.400.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	6.400.000.000	10.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>219.908.405.860</b>	<b>192.956.526.304</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	42.872.668.808	73.244.227.269
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	21.344.826.538	11.461.134.066
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	155.690.910.514	108.358.192.517
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.3	-	(107.027.548)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>53.363.924.924</b>	<b>48.348.904.852</b>
Hàng tồn kho	141	V.6	53.363.924.924	48.348.904.852
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.628.008.771</b>	<b>4.247.966.679</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	193.673.119	95.933.985
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.18	3.721.158.005	3.482.114.240
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	6.705.750
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	713.177.647	663.212.704
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>75.490.115.134</b>	<b>55.149.771.601</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>884.130.836</b>	<b>176.596.373</b>
Phải thu dài hạn khác	218	V.9	884.130.836	176.596.373
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>63.348.373.083</b>	<b>53.540.105.603</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	21.573.168.639	19.008.345.272
Nguyên giá	222		33.003.679.393	27.568.615.598
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.430.510.754)	(8.560.270.326)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	279.720.000	279.720.000
Nguyên giá	228		279.720.000	279.720.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	41.495.484.444	34.252.040.331
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>10.320.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	10.320.000.000	1.000.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>937.611.215</b>	<b>433.069.625</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	937.611.215	433.069.625
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>368.801.794.451</b>	<b>340.137.517.166</b>

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**  
Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014  
**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>321.126.598.490</b>	<b>291.319.968.433</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>131.331.519.037</b>	<b>143.784.282.805</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	71.428.876.729	59.792.549.210
2. Phải trả người bán	312	V.16	36.175.340.636	64.616.867.164
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	16.287.057.922	1.749.255.775
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	312.473.437	231.716.813
5. Phải trả người lao động	315		1.110.732.655	1.303.312.026
6. Chi phí phải trả	316		2.451.462.103	25.000.000
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	3.689.925.346	16.185.409.253
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	(124.349.791)	(119.827.436)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>189.795.079.453</b>	<b>147.535.685.628</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.21	90.000.000.000	90.000.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	42.060.000.000	18.666.000.000
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.23	57.735.079.453	38.869.685.628
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>47.675.195.961</b>	<b>48.817.548.733</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.24</b>	<b>47.675.195.961</b>	<b>48.817.548.733</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.810.000.000	24.810.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.182.884.718	19.978.758.024
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	1.160.642.664
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.682.311.243	2.868.148.045
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>368.801.794.451</b>	<b>340.137.517.166</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-

Đồng Nai, ngày 03 tháng 04 năm 2015



**BÌ LONG SƠN**  
Tổng Giám đốc

**PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH**  
Kế toán trưởng

**PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH**  
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tráng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2014

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	
			Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	133.263.417.035	155.294.184.389
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		133.263.417.035	155.294.184.389
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	119.332.227.950	145.938.574.769
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.931.189.085	9.355.609.620
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.265.594.380	4.172.847.449
7 Chi phí tài chính	22		6.282.098.101	4.774.851.014
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.282.098.101	4.774.851.014
8 Chi phí bán hàng	24	VI.4	544.017.291	36.360.925
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	10.896.126.962	8.033.110.898
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		474.541.111	684.134.232
11 Thu nhập khác	31		2.056.781.898	649.575.171
12 Chi phí khác	32		629.682.570	152.009.354
13 Lợi nhuận khác	40	VI.6	1.427.099.328	497.565.817
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.901.640.439	1.181.700.049
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	349.751.328	316.176.145
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.551.889.111</u>	<u>865.523.904</u>
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8		<u>426</u>	<u>347</u>

Đồng Nai, ngày 03 tháng 04 năm 2015



BÌ LONG SƠN  
Tổng Giám đốc

PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH  
Kế toán trưởng

PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH  
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Năm 2014

**MẪU B 03-DN**  
**Đơn vị: VND**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.901.640.439	1.181.700.049
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.143.062.999	1.007.742.333
- Các khoản dự phòng	03		(107.027.548)	(59.613.378)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.494.868.513)	(4.804.865.631)
- Chi phí lãi vay	06		6.282.098.101	4.774.851.014
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>5.724.905.478</b>	<b>2.099.814.387</b>
- Giảm/ (tăng) các khoản phải thu	09		(27.834.689.429)	(29.830.239.456)
- Giảm hàng tồn kho	10		(5.015.020.072)	(12.907.697.079)
- Tăng các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(5.240.860.155)	43.011.419.972
- Giảm chi phí trả trước	12		(602.280.724)	(243.174.837)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.282.098.101)	(4.774.851.014)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(518.560.415)	(57.851.781)
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15		392.032.670	249.878.995
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(562.738.583)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(39.939.309.331)</b>	<b>(2.452.700.813)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(13.349.744.029)	(28.897.603.836)
- Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.818.181.818	632.018.182
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		3.600.000.000	(10.000.000.000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(9.320.000.000)	9.800.000.000
- Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.265.594.380	4.172.847.449
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(12.985.967.831)</b>	<b>(24.292.738.205)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		120.849.378.342	115.781.615.228
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(85.819.050.823)	(78.739.525.659)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.528.058.325)	(1.633.726.605)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>32.502.269.194</b>	<b>35.408.362.964</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(20.423.007.968)</b>	<b>8.662.923.946</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		29.434.347.730	20.771.423.784
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>9.011.339.762</b>	<b>29.434.347.730</b>

Đồng Nai, ngày 03 tháng 04 năm 2015



**BÌ LONG SƠN**  
 Tổng Giám đốc

**PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH**  
 Kế toán trưởng

**PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH**  
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2014**

**MẪU B 09-DN**

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (gọi tắt là "Công ty").

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- 1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- 2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp
- 3. **Ngành, nghề kinh doanh** :

Khảo sát, thiết kế, lập tổng dự toán, dự toán các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; Kinh doanh nhà; Hợp đồng Xây dựng – kinh doanh – Chuyển giao (BOT); Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Kinh doanh xăng, dầu, nhớt (theo quy hoạch mạng lưới xăng dầu đã được UBND tỉnh phê duyệt); Sản xuất, kinh doanh bê tông nhựa nóng và các cấu kiện bê tông đúc sẵn; Chế biến đá; Nạo vét kênh rạch; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm quán bar, không hoạt động tại trụ sở); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Sản xuất gạch, ngói bằng lo nung tuy nen; Kinh doanh khu vui chơi, giải trí; Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Vận tải hàng hoá thủy nội địa; Xây dựng công trình công ích; Bán buôn vật liệu xây dựng; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Khai thác và thu gom than bùn (hoạt động khi có giấy phép); Lắp đặt hệ thống điện; Hoạt động tư vấn quản lý; Khai thác vật liệu xây dựng; Thu gom rác thải độc hại; Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác; Thu gom rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hoá; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng công trình (không chứa hàng tại trụ sở).

4. **Nhân viên**

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 115 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 128 người).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là năm tài chính thứ 9 của Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày giao dịch. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp. Thông tư này hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các Báo cáo tài chính của Công ty trong tương lai.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

#### 2. Các thay đổi chính sách kế toán và áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, ngoại trừ chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 24 tháng 04 năm 2013 có hiệu lực từ ngày 10 tháng 06 năm 2013, thay thế thông tư 203/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 29 tháng 10 năm 2009.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc áp dụng các chuẩn mực kế toán mới này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

#### **3. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **4. Công cụ tài chính**

##### Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm các khoản tiền, đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

#### **5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### **6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được xác định theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 31
Máy móc thiết bị	02 - 09
Phương tiện vận tải	02 - 07
Thiết bị văn phòng	02 - 05

#### 9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.

##### *Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản*

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại thời điểm kết thúc niên độ.

##### *Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,... tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

#### 11. Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán là giá mua trên thị trường mua bán chứng khoán và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm các loại chứng khoán có thời hạn nắm giữ dưới 12 tháng, đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các loại chứng khoán đầu tư có thời hạn luân chuyển và thu hồi vốn trên 1 năm.

#### 12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là khoản công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 3 năm.

#### 13. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

#### 14. Ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu của một số hoạt động chủ yếu được ghi nhận cụ thể như sau:

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

##### Doanh thu hoạt động cho thuê đất, phí hạ tầng

Doanh thu hoạt động cho thuê đất, phí sử dụng hạ tầng trả tiền hàng năm được ghi nhận căn cứ hợp đồng cho thuê đất và việc phát hành hóa đơn cho khách hàng.

Doanh thu hoạt động cho thuê đất trả tiền một lần được phân bổ cho số năm thuê đất của khách hàng

##### Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### 15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

#### 16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**1. Tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	637.008.636	233.464.001
Tiền gửi ngân hàng	8.174.331.126	21.500.883.729
Các khoản tương đương tiền (*)	200.000.000	7.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>9.011.339.762</u></b>	<b><u>29.434.347.730</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngân hàng TMCP BIDV Việt Nam chi nhánh Đồng Nai

**2. Đầu tư ngắn hạn khác**

Tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng TMCP BIDV Việt Nam chi nhánh Đồng Nai Đồng Nai	6.400.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>6.400.000.000</u></b>	<b><u>10.000.000.000</u></b>

Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại ngân hàng TMCP BIDV Việt Nam chi nhánh Đồng Nai

**3. Phải thu khách hàng**

Ban Quản lý dự án Huyện Định Quán	5.467.489.698	9.375.208.698
Ban Quản lý dự án Huyện Nhơn Trạch	3.942.688.388	19.713.784.319
Ban Quản lý dự án Thoát nước Đồng Nai	555.289.000	2.741.507.000
Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắc Nông	9.990.364.000	16.861.466.637
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	2.167.143.350	2.066.135.267
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	740.766.821	11.151.597.373
Công ty Cổ phần Thanh Hưng	4.520.649.100	4.695.097.500
Ban Quản lý dự án Huyện Vĩnh Cửu	510.727.000	1.230.122.000
Ban Quản lý dự án Thành phố Biên Hoà	2.798.923.129	1.471.379.106
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Môi trường Đô Thị Đồng Nai	958.251.484	959.064.484
DNTN Mỹ Duyên	1.452.000.000	1.089.000.000
Sở Giao thông vận tải Đồng Nai	10.134.000	10.924.050
Công ty TNHH MTV Thịnh Đức Gia Hân	1.104.565.100	560.455.000
Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Công Thu	3.642.799.004	-
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Tuấn Thành	1.989.524.379	-
Phan Thị Ngọc Tuyền	780.000.000	-
Các khách hàng khác	2.241.354.355	1.318.485.835
<b>Cộng phải thu khách hàng</b>	<b><u>42.872.668.808</u></b>	<b><u>73.244.227.269</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(107.027.548)
<b>Phải thu khách hàng thuần</b>	<b><u>42.872.668.808</u></b>	<b><u>73.137.199.721</u></b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Trả trước cho người bán**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Đàm Công Năm	257.599.888	1.411.275.365
Hà Phát	191.751.187	1.652.956.289
Lê Xuân Nha	55.672.116	1.603.958.856
Nguyễn Quốc Toàn	3.249.067.716	1.473.092.108
Hà Châu Tuấn	3.045.027.808	1.746.160.528
Nguyễn Văn Huy	1.205.012.285	122.033.900
Công ty CP Dân dụng Công nghiệp Số 1 Đồng Nai	1.596.000.000	-
Nhà máy TOKIN-NETSUREN	4.845.324.031	-
Võ Công Vinh	1.008.655.338	-
Vũ Trọng Nghĩa	4.238.651.943	-
NM Beton Đức sản Hùng Vương	-	419.247.950
Đặng Thanh Tâm	-	562.789.339
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Seen	-	598.185.937
Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư	-	315.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.652.064.226	1.556.433.794
<b>Cộng</b>	<b>21.344.826.538</b>	<b>11.461.134.066</b>

**5. Các khoản phải thu khác**

Ứng tiền đền bù mỏ đá Tân Cang cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Biên Hoà	34.909.660.000	11.741.280.000
Ứng tiền đền bù giải phóng mặt bằng cho Trung tâm Quỹ đất huyện Vĩnh Cửu	120.759.331.363	96.574.439.276
Các khoản phải thu khác	21.919.151	42.473.241
<b>Cộng</b>	<b>155.690.910.514</b>	<b>108.358.192.517</b>

**6. Hàng tồn kho**

Nguyên liệu, vật liệu	2.623.573.463	1.163.908.812
Công cụ dụng cụ	-	144.642
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	49.613.609.594	46.333.155.736
Thành phẩm	1.126.741.867	851.695.662
<b>Cộng</b>	<b>53.363.924.924</b>	<b>48.348.904.852</b>

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Phát sinh trong năm</b>	<b>Kết chuyển vào chi phí trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
Chi phí trả trước	95.933.985	390.792.326	293.053.192	193.673.119
<b>Cộng</b>	<b>95.933.985</b>	<b>390.792.326</b>	<b>293.053.192</b>	<b>193.673.119</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**8. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	713.177.647	658.325.189
Ký quỹ ngắn hạn	-	4.887.515
<b>Cộng</b>	<b><u>713.177.647</u></b>	<b><u>663.212.704</u></b>

**9. Phải thu dài hạn khác**

Tiền ký quỹ phục hồi cải tạo môi trường	<u>884.130.836</u>	<u>176.596.373</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>884.130.836</u></b>	<b><u>176.596.373</u></b>

Đây là khoản ký quỹ cho Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai để khai thác đá.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số đầu năm	3.636.540.413	16.120.200.900	7.682.960.460	128.913.825	27.568.615.598
2. Tăng trong năm	49.504.988	896.237.791	5.351.051.272	-	6.296.794.051
- Mua sắm mới	49.504.988	896.237.791	5.351.051.272	-	6.296.794.051
3. Giảm trong năm	861.730.256	-	-	-	861.730.256
- Giảm khác (*)	861.730.256	-	-	-	861.730.256
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>2.824.315.145</b>	<b>17.016.438.691</b>	<b>13.034.011.732</b>	<b>128.913.825</b>	<b>33.003.679.393</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1. Số đầu năm	1.202.461.462	1.600.034.710	5.663.119.773	94.654.381	8.560.270.326
2. Tăng trong năm	344.185.802	1.938.155.836	923.711.090	17.655.433	3.223.708.161
3. Giảm trong năm	272.822.571	80.645.162	-	-	353.467.733
- Thanh lý	272.822.571	-	-	-	272.822.571
- Giảm khác (*)	-	80.645.162	-	-	80.645.162
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>1.273.824.693</b>	<b>3.457.545.384</b>	<b>6.586.830.863</b>	<b>112.309.814</b>	<b>11.430.510.754</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Số đầu năm	2.434.078.951	14.520.166.190	2.019.840.687	34.259.444	19.008.345.272
<b>2. Số cuối năm</b>	<b>1.550.490.452</b>	<b>13.558.893.307</b>	<b>6.447.180.869</b>	<b>16.604.011</b>	<b>21.573.168.639</b>

(\*) Giảm chi phí khấu hao của Trạm trộn bê tông nhựa nóng Đăk Nông, do xác định lại thời gian khấu hao.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trưng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
<b>Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn sử dụng:</b>					
1. Số đầu năm	94.232.000	1.410.993.996	4.405.627.550	-	5.910.853.546
2. Số cuối năm	<b>94.232.000</b>	<b>1.501.987.996</b>	<b>4.405.627.550</b>	<b>49.007.100</b>	<b>6.050.854.646</b>

Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai là 13.343.254.790 VND.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Tài sản cố định vô hình**

Là quyền sử dụng đất không thời hạn ở xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khu nhà ở Hoá An	-	18.861.363
Mỏ đá Tân Cang 4	19.833.337.087	16.663.845.819
Mỏ Cát	3.082.249.709	3.082.249.709
Chi phí xây dựng dự án Khu công nghiệp Thạnh Phú	18.579.897.648	14.487.083.440
<b>Cộng</b>	<b><u>41.495.484.444</u></b>	<b><u>34.252.040.331</u></b>

**13. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Góp vốn dự án cải tạo QL 91	-	9.320.000.000	-	-
<b>Cộng</b>		<b><u>10.320.000.000</u></b>		<b><u>1.000.000.000</u></b>

Góp vốn đầu tư dự án Quốc lộ 91 theo biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư số 78/BB-PTKCN ngày 08/10/2014 giữa Tổng Công ty Phát Triển KCN với Công ty Cổ phần Công Trình Giao Thông Đồng Nai và Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí trả trước dài hạn	433.069.625	1.269.184.178	764.642.588	937.611.215
<b>Cộng</b>	<b><u>433.069.625</u></b>	<b><u>1.269.184.178</u></b>	<b><u>764.642.588</u></b>	<b><u>937.611.215</u></b>

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****15. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	69.228.876.729	57.192.549.210
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (xem Thuyết minh số V.21)	640.000.000	1.040.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả Quỹ đầu tư phát triển (xem Thuyết minh V.21)	1.560.000.000	1.560.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>71.428.876.729</u></b>	<b><u>59.792.549.210</u></b>

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng vay ký ngày 30 tháng 5 năm 2013. Thời hạn vay là 1 năm, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng xe ô tô, phương tiện vận tải và thiết bị xe máy cơ giới chuyên dùng, đất và công trình trên đất tại Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, đất tại xã Lang Minh, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai; Quyền đòi nợ Ban quản lý dự án huyện Định Quán và Quyền đòi nợ ban quản lý dự án huyện Nhơn Trạch.

**16. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận Idico	5.495.692.776	6.057.027.623
Công ty TNHH Stolt Bitumen Việt Nam	2.698.667.400	8.352.339.000
Công ty TNHH Trường Toàn	2.291.127.687	5.004.658.207
DNTN Khánh Toàn I	1.800.328.184	1.788.087.760
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Đồng Nai	215.674.976	1.663.823.900
Công ty TNHH MTV Xây dựng Xuân Hương Phát	184.134.200	1.268.467.147
Công ty Cổ phần Ba An	864.471.732	1.397.136.584
DNTN Hà An	97.254.701	1.318.128.703
Công ty TNHH Xây dựng Hợp Thành Phát	3.821.511.161	207.639.039
Công ty TNHH Lộc Trường Kỳ	4.885.059.591	1.697.171.418
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xây dựng BMT	1.835.227.996	643.835.024
Công ty Công trình tư vấn Xây dựng Sông Đà	63.048.201	332.429.158
Trần Hữu Dũng	-	2.359.769.833
Nguyễn Văn Huy	-	2.723.837.284
Công ty Speco	-	13.031.802.000
Công ty TNHH Thương mại Dầu Khí Hồng Phúc	-	1.481.983.333
Công ty TNHH Võ Đăng Khoa	-	1.542.550.180
Vũ Trọng Nghĩa	-	1.301.459.533
Công ty Cổ phần Công nghệ Biển Xanh	-	68.905.042
Các nhà cung cấp khác	11.923.142.031	12.375.816.396
<b>Cộng</b>	<b><u>36.175.340.636</u></b>	<b><u>64.616.867.164</u></b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Cường Thuận	-	1.076.398.997
DNTN Gas Hiệp Hưng	200.000.000	200.000.000
Công ty CP Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ An Giang	15.879.562.659	-
Công ty TNHH Hoà Bình	-	79.196.627
Các khách hàng khác	207.495.263	393.660.151
<b>Cộng</b>	<b><u>16.287.057.922</u></b>	<b><u>1.749.255.775</u></b>

**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số cuối năm</u>
	<u>01/01/2014</u>			<u>31/12/2014</u>
Thuế GTGT dịch vụ cung cấp trong nước	81.546	1.182.981.376	1.175.399.654	7.663.268
Thuế TNDN	219.133.981	349.751.328	518.560.415	50.324.894
Thuế TNCN	9.333.286	141.597.243	129.864.887	21.065.642
Thuế tài nguyên	2.208.000	591.036.525	573.159.625	20.084.900
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(6.705.750)	601.361.150	385.578.167	209.077.233
Các loại thuế khác	960.000	210.566.500	207.251.000	4.275.500
<i>Thuế môn bài</i>	-	8.000.000	8.000.000	-
<i>Phí bảo vệ môi trường</i>	960.000	202.566.500	199.251.000	4.275.500
<b>Cộng</b>	<b><u>225.011.063</u></b>	<b><u>3.077.294.122</u></b>	<b><u>2.989.813.748</u></b>	<b><u>312.491.437</u></b>

• **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

- Phương pháp tính thuế: Phương pháp khấu trừ

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.6.

• **Thuế tài nguyên**Thuế suất áp dụng là 11% đối với khai thác cát tính theo sản lượng khai thác với giá tính thuế là 115.000 VN/m<sup>3</sup>.• **Các khoản thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định.

**19. Các khoản phải trả khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	24.785.164	129.384.970
Bảo hiểm y tế	216.000	20.885.306
Bảo hiểm thất nghiệp	144.000	9.009.799
Quỹ đầu tư và phát triển Đồng Nai	-	602.964.253
Công ty CP Công trình Giao thông Đồng Nai	88.275.908	-
Bảo hành công trình	58.000.000	10.158.013.074
Nhận góp vốn vào khu mỏ đá Đaklua	2.130.000.000	2.130.000.000

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất tạm được miễn chờ quyết toán lại	864.967.125	465.356.625
Các khoản phải trả khác	523.537.149	2.669.795.226
<b>Cộng</b>	<b><u>3.689.925.346</u></b>	<b><u>16.185.409.253</u></b>

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	(145.882.837)	43.484.030	-	(102.398.807)
Quỹ phúc lợi	26.055.401	43.484.030	91.490.415	(21.950.984)
<b>Cộng</b>	<b><u>(119.827.436)</u></b>	<b><u>86.968.060</u></b>	<b><u>91.490.415</u></b>	<b><u>(124.349.791)</u></b>

**21. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vốn góp của các bên tham gia dự án KCN Thạnh Phú</b>		
Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	60.000.000.000	60.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>90.000.000.000</u></b>	<b><u>90.000.000.000</u></b>

**22. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (1)	38.960.000.000	16.360.000.000
Vay dài hạn Quỹ đầu tư và Phát triển (2)	3.100.000.000	2.306.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>42.060.000.000</u></b>	<b><u>18.666.000.000</u></b>

- (1) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng vay số 20110141/HĐTD/SME ngày 21 tháng 07 năm 2011. Thời hạn vay là 07 năm, thời gian ân hạn 2 năm với lãi suất 13,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị giá trị tài sản hình thành trong tương lai là mỏ đá Tân Cang 4.

Khoản nợ dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai được hoàn trả như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	640.000.000	1.040.000.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 4	38.960.000.000	16.360.000.000
	<b><u>39.600.000.000</u></b>	<b><u>17.400.000.000</u></b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	640.000.000	1.040.000.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>38.960.000.000</u></b>	<b><u>16.360.000.000</u></b>

- (2) Vay dài hạn Quỹ đầu tư phát triển Việt Nam theo Hợp đồng vay số 44/2012/HĐTD/TD-MT ký ngày 10 tháng 10 năm 2012. Khoản vay này Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai vay hộ cho Ban Quản lý Dự án. Thời hạn vay là 05 năm, lãi suất là 6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng Hợp đồng tiền gửi 03/2012/HĐTG ngày 27 tháng 08 năm 2012 của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình và Hợp đồng tiền gửi 04/2012/HĐTG ngày 29 tháng 08 năm 2012 Tổng Công ty Phát triển KCN Sonadezi.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Khoản nợ dài hạn Quỹ đầu tư phát triển Việt Nam được hoàn trả như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	1.560.000.000	1.560.000.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 3	3.100.000.000	2.306.000.000
	<b>4.660.000.000</b>	<b>3.866.000.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	1.560.000.000	1.560.000.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>3.100.000.000</u></b>	<b><u>2.306.000.000</u></b>

**23. Doanh thu chưa thực hiện**

Nhận trước tiền phí sử dụng hạ tầng của Chang Shing	57.735.079.453	38.869.685.628
<b>Cộng</b>	<b><u>57.735.079.453</u></b>	<b><u>38.869.685.628</u></b>

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**24. Vốn chủ sở hữu****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số đầu năm trước</b>	<b>24.810.000.000</b>	<b>19.978.758.024</b>	<b>1.160.642.664</b>	<b>3.386.471.751</b>	<b>49.335.872.439</b>
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	865.523.904	865.523.904
Chia lợi nhuận dự án Bửu Long	-	-	-	15.102.583	15.102.583
Tăng khác	-	-	-	200.000.000	200.000.000
Chi trả cổ tức	-	-	-	(1.624.849.380)	(1.624.849.380)
Thuế TNCN của cổ tức	-	-	-	(8.877.225)	(8.877.225)
Điều chỉnh theo Biên bản của Sở tài chính	-	-	-	34.776.412	34.776.412
<b>Số cuối năm trước/ Số dư đầu năm nay</b>	<b>24.810.000.000</b>	<b>19.978.758.024</b>	<b>1.160.642.664</b>	<b>2.868.148.045</b>	<b>48.817.548.733</b>
Lợi nhuận năm 2014	-	-	-	1.551.889.111	1.551.889.111
Chia lợi nhuận dự án Bửu Long	-	-	-	(471.248.168)	(471.248.168)
Kết chuyển dự án 38HA Hoà An	-	-	-	392.032.670	392.032.670
Trích lập quỹ	-	43.484.030	-	(130.452.090)	(86.968.060)
Chuyển sang quỹ đầu tư phát triển	-	1.160.642.664	(1.160.642.664)	-	-
Chi trả cổ tức 2013	-	-	-	(2.528.058.325)	(2.528.058.325)
<b>Số cuối năm nay</b>	<b>24.810.000.000</b>	<b>21.182.884.718</b>	<b>-</b>	<b>1.682.311.243</b>	<b>47.675.195.961</b>

Trong năm 2014, Công ty thực hiện trích Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2014 được căn cứ theo Biên bản Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2014 ngày 23 tháng 5 năm 2014.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tổng công ty Phát triển Khu Công nghiệp	15.810.000.000	15.810.000.000
Ông Phan Quốc Anh	1.000.000.000	1.000.000.000
Các cổ đông khác	8.000.000.000	8.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.810.000.000</b>	<b>24.810.000.000</b>

**Cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.481.000	2.481.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.481.000	2.481.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.481.000</i>	<i>2.481.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.481.000	2.481.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.481.000</i>	<i>2.481.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu xây lắp	106.286.547.285	153.484.423.223
Doanh thu bán thảm BTN	17.777.960.148	-
Doanh thu cho thuê khu công nghiệp	2.736.950.236	547.203.083
Doanh thu hoạt động khác	6.461.959.366	1.262.558.083
<b>Cộng</b>	<b>133.263.417.035</b>	<b>155.294.184.389</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn xây lắp	99.825.020.765	145.865.075.258
Giá vốn bán, thảm BTN	16.180.035.728	-
Giá vốn cho thuê khu công nghiệp	1.564.239.248	-
Giá vốn hoạt động khác	1.762.932.209	73.499.511
<b>Cộng</b>	<b>119.332.227.950</b>	<b>145.938.574.769</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi, tiền cho vay	848.661.328	1.035.560.494
Cổ tức, lợi nhuận được chia	299.967.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.116.966.052	3.137.286.955
<b>Cộng</b>	<b>4.265.594.380</b>	<b>4.172.847.449</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Năm nay	Năm trước
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	6.282.098.101	4.774.851.014
<b>Cộng</b>	<b>6.282.098.101</b>	<b>4.774.851.014</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	96.114.800	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.450.000	-
Chi phí bảo hành	145.479.764	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	300.972.727	36.360.925
<b>Cộng</b>	<b>544.017.291</b>	<b>36.360.925</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	5.617.073.705	4.380.342.877
Chi phí nguyên vật liệu	457.726.166	436.027.698
Chi phí đồ dùng văn phòng	521.882.680	154.126.434
Chi phí khấu hao	401.809.829	350.021.649
Thuế, phí và lệ phí	822.786.250	470.558.423
Chi phí dự phòng	(107.027.548)	(56.085.260)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	810.419.997	732.470.049
Chi phí bằng tiền khác	2.371.455.883	1.565.649.028
<b>Cộng</b>	<b>10.896.126.962</b>	<b>8.033.110.898</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.818.181.818	632.018.182
Thu nhập từ cung cấp điện cho các công trình	187.702.677	-
Thu nhập từ tư vấn kiểm định	27.133.567	-
Thu nhập khác	23.763.836	17.556.989
<b>Cộng</b>	<b>2.056.781.898</b>	<b>649.575.171</b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
Thu nhập từ tư vấn kiểm định	601.525.867	143.172.946
Nộp phạt	-	4.835.781
Chi phí khác	28.156.703	4.000.627
<b>Cộng</b>	<b>629.682.570</b>	<b>152.009.354</b>
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1.901.640.439</b>	<b>1.181.700.049</b>
<b>Điều chỉnh thu nhập chịu thuế:</b>	<b>(172.316.410)</b>	<b>83.004.531</b>
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	299.967.000	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	127.650.590	83.004.531
<b>Lỗ năm trước chuyển sang</b>	<b>(40.422.969)</b>	

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.688.901.060</b>	<b>1.264.704.580</b>
Thuế suất áp dụng	22%	25%
<b>Thuế TNDN phải nộp năm nay</b>	<b>371.558.233</b>	<b>316.176.145</b>
Thuế TNDN phải nộp bổ sung năm trước	(21.806.905)	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>349.751.328</b>	<b>316.176.145</b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế</b>	<b>1.551.889.111</b>	<b>865.523.904</b>
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(247.832.459)	(4.154.357)
<i>Lãi/lỗ dự án khu công nghiệp Thạnh Phú</i>	(6.480.002)	(19.256.940)
<i>Lãi/lỗ dự án Mỏ Cát</i>	(158.889.307)	-
<i>Lỗ dự án 38ha xã Hóa An</i>	392.032.671	-
<i>Lãi dự án khu dân cư Bửu Long</i>	(474.495.821)	15.102.583
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>1.056.224.193</b>	<b>861.369.547</b>
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.481.000	2.481.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>426</b>	<b>347</b>

**11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

Chi phí nguyên vật liệu	101.393.292.390	126.293.251.336
Chi phí nhân công	15.475.745.262	32.891.669.720
Chi phí khấu hao	3.146.445.999	1.007.742.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.219.109.585	22.840.124.184
Chi phí bằng tiền khác	7.033.071.971	2.639.723.561
<b>Cộng</b>	<b>150.267.665.207</b>	<b>185.672.511.134</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan****Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b><u>Bên liên quan</u></b>	<b><u>Mối quan hệ</u></b>
Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp Biên Hoà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Công ty cùng hệ thống

Trong năm, Công ty có phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<b><u>Năm nay</u></b>	<b><u>Năm trước</u></b>
<b>Doanh thu xây lắp</b>		
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	15.541.662.894	17.452.644.624
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	3.549.762.775	18.827.815.794

**Góp vốn đầu tư**

Tổng Công ty Phát triển Khu Công nghiệp	9.320.000.000	-
---	---------------	---

**Chuyển nhượng khoản đầu tư**

Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	-	9.800.000.000
-------------------------------------	---	---------------

Tại ngày kết thúc niên độ, số dư với các bên liên quan như sau:

	<b><u>Năm nay</u></b>	<b><u>Năm trước</u></b>
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	2.167.143.350	2.066.135.267
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	740.766.821	11.151.597.373

**Phải trả dài hạn khác**

Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	60.000.000.000	60.000.000.000

**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm như sau:

	<b><u>Năm nay</u></b>	<b><u>Năm trước</u></b>
Tiền lương, thưởng	891.950.800	1.038.839.891
<b>Cộng</b>	<b>891.950.800</b>	<b>1.038.839.891</b>

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 2. Công cụ tài chính

### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư chủ sở hữu, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.4.

### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.011.339.762	29.434.347.730
Đầu tư ngắn hạn	6.400.000.000	10.000.000.000
Phải thu khách hàng	42.872.668.808	73.137.199.721
Các khoản phải thu khác	155.690.910.514	108.358.192.517
Tài sản dài hạn khác	-	4.887.515
Phải thu dài hạn khác	884.130.836	176.596.373
Đầu tư dài hạn khác	10.320.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>225.179.049.920</b>	<b>222.111.223.856</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay ngắn hạn	71.428.876.729	59.792.549.210
Phải trả người bán	36.175.340.636	64.616.867.164
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.799.813.057	15.560.772.553
Phải trả dài hạn khác	90.000.000.000	90.000.000.000
Vay dài hạn	42.060.000.000	18.666.000.000
<b>Cộng</b>	<b>242.464.030.422</b>	<b>248.636.188.927</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

##### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu liên quan đến sự biến động của thị trường.

##### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty hoạt động kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, số tiền cho thuê đất nhận trước nhiều năm; đối với phí hạ tầng và các dịch vụ có liên quan, Công ty thu tiền hàng tháng; Vì thế, Công ty chỉ có rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng.

##### **Các khoản tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

##### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công cụ nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	71.428.876.729	-	-	71.428.876.729
Phải trả cho người bán	36.175.340.636	-	-	36.175.340.636
Các khoản phải trả khác	2.799.813.057	-	-	2.799.813.057
Phải trả dài hạn khác	-	-	90.000.000.000	90.000.000.000
Vay dài hạn	-	42.060.000.000	-	42.060.000.000
<b>Cộng</b>	<b>110.404.030.422</b>	<b>42.060.000.000</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>242.464.030.422</b>

##### **Số cuối năm**

Tiền và các khoản tương đương tiền	9.011.339.762	-	-	9.011.339.762
Đầu tư ngắn hạn	-	6.400.000.000	-	6.400.000.000
Phải thu khách hàng	42.872.668.808	-	-	42.872.668.808

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
Các khoản phải thu khác	155.690.910.514	-	-	155.690.910.514
Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-	-
Phải thu dài hạn khác	-	884.130.836	-	884.130.836
Đầu tư dài hạn khác	-	10.320.000.000	-	10.320.000.000
<b>Cộng</b>	<b>207.574.919.084</b>	<b>17.604.130.836</b>	<b>-</b>	<b>225.179.049.920</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(97.170.888.662)</b>	<b>24.455.869.164</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>17.284.980.502</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	59.792.549.210	-	-	59.792.549.210
Phải trả cho người bán	64.616.867.164	-	-	64.616.867.164
Các khoản phải trả khác	15.560.772.553	-	-	15.560.772.553
Phải trả dài hạn khác	-	-	90.000.000.000	90.000.000.000
Vay dài hạn	-	18.666.000.000	-	18.666.000.000
<b>Cộng</b>	<b>139.970.188.927</b>	<b>18.666.000.000</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>248.636.188.927</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.434.347.730	-	-	29.434.347.730
Đầu tư ngắn hạn	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Phải thu khách hàng	73.137.199.721	-	-	73.137.199.721
Các khoản phải thu khác	108.358.192.517	-	-	108.358.192.517
Tài sản ngắn hạn khác	-	4.887.515	-	4.887.515
Phải thu dài hạn khác	-	176.596.373	-	176.596.373
Đầu tư dài hạn khác	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>210.929.739.968</b>	<b>11.181.483.888</b>	<b>-</b>	<b>222.111.223.856</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(70.959.551.041)</b>	<b>7.484.516.112</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>26.524.965.071</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

**3. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động: Bộ phận kinh doanh xây dựng, vật liệu xây dựng và Bộ phận kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 2 bộ phận kinh doanh này.

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Xây dựng và vật liệu xây dựng</b>	<b>Hạ tầng KCN</b>	<b>Không phân bổ</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	215.598.469.991	153.203.324.460		368.801.794.451
Tài sản không phân bổ				-
<b>Tổng tài sản</b>				<b>368.801.794.451</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	167.930.831.277	153.195.767.213		321.126.598.490
Nợ phải trả không phân bổ				-
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>321.126.598.490</b>
<b>Số đầu năm</b>				
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	203.318.353.723	136.819.163.443		340.137.517.166
Tài sản không phân bổ				-
<b>Tổng tài sản</b>				<b>340.137.517.166</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	153.938.592.063	137.381.376.370		291.319.968.433
Nợ phải trả không phân bổ				-
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>291.319.968.433</b>

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<b>Cho thuê văn phòng</b>	<b>Nhà hàng, khách sạn</b>	<b>Không phân bổ</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>				
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	130.526.466.799	2.736.950.236	-	133.263.417.035
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác				-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>130.526.466.799</b>	<b>2.736.950.236</b>	<b>-</b>	<b>133.263.417.035</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Kết quả kinh doanh bộ phận	12.758.478.097	1.172.710.988		13.931.189.085
Chi phí không phân bổ			11.440.144.253	11.440.144.253
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>12.758.478.097</b>	<b>1.172.710.988</b>	<b>(11.440.144.253)</b>	<b>2.491.044.832</b>
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết				-
Doanh thu từ các khoản đầu tư, tài chính khác	3.365.813.973	899.780.407		4.265.594.380
Chi phí tài chính	6.028.726.101	253.372.000		6.282.098.101
Lãi (lỗ) khác	1.413.262.531	13.836.797		1.427.099.328
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>11.508.828.500</b>	<b>1.832.956.192</b>	<b>(11.440.144.253)</b>	<b>1.901.640.439</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Cho thuê văn phòng</b>	<b>Nhà hàng, khách sạn</b>	<b>Không phân bổ</b>	<b>Cộng</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	337.514.055	12.237.273		349.751.328
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>1.551.889.111</b>
<b>Năm trước</b>				
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	154.746.981.306	547.203.083	-	155.294.184.389
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác				-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>154.746.981.306</b>	<b>547.203.083</b>	<b>-</b>	<b>155.294.184.389</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Kết quả kinh doanh bộ phận	8.881.906.048	473.703.572	-	9.355.609.620
Chi phí không phân bổ			8.069.471.823	8.069.471.823
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>8.881.906.048</b>	<b>473.703.572</b>	<b>(8.069.471.823)</b>	<b>1.286.137.797</b>
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết			-	-
Doanh thu từ các khoản đầu tư, tài chính khác	3.171.803.920	1.001.043.529		4.172.847.449
Chi phí tài chính	4.774.851.014			4.774.851.014
Lãi (lỗ) khác	497.565.817		-	497.565.817
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>7.776.424.771</b>	<b>1.474.747.101</b>	<b>(8.069.471.823)</b>	<b>1.181.700.049</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	316.057.063	119.082		316.176.145
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>865.523.904</b>

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty hoạt động tại tỉnh Đồng Nai, Đắknông, Lâm Đồng, Bình Phước. Bộ phận xây dựng, và kinh doanh vật liệu xây dựng tại tỉnh Đồng Nai, Đắknông, Lâm Đồng, Bình Phước. Hoạt động sản cho thuê hạ tầng KCN tại địa bàn tỉnh Đồng Nai.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Năm nay	Năm trước
Tỉnh Đồng Nai	113.662.987.612	150.554.088.480
Tỉnh Đắknông	17.274.179.148	4.722.815.909
Tỉnh Lâm Đồng	1.488.100.275	1.710.000
Tỉnh Bình Phước	838.150.000	15.570.000
<b>Cộng</b>	<b>133.263.417.035</b>	<b>155.294.184.389</b>

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận (Tổng tài sản thuần)		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình (tổng giá trị tăng của TSCĐ)	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tỉnh Đồng Nai	4.183.265.177	4.782.272.368	5.628.363.164	926.158.547
Tỉnh Đắknông	17.669.623.462	14.505.792.904	668.430.887	14.630.792.904
Tỉnh Lâm Đồng	-	-	-	-
Tỉnh Bình Phước	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>21.852.888.639</b>	<b>19.288.065.272</b>	<b>6.296.794.051</b>	<b>15.556.951.451</b>

**4. Thông tin so sánh**

Số đầu năm được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - tư vấn Đất Việt.

Đồng Nai, ngày 03 tháng 04 năm 2015



**BÌ LONG SƠN**  
Tổng Giám đốc

**PHẠM TRẦN HUNG THỊNH**  
Kế toán trưởng

**PHẠM TRẦN HUNG THỊNH**  
Người lập biểu

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



Tổng giám đốc

**Bì Long Sơn**